

Số: 61 TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 28 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn – huyện Thọ Xuân – tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2025 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>,

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất Quý III niên độ tài chính từ 01/07/2024 đến 30/06/2025
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2025

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2025)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		2.214.492.274.964	1.520.154.590.369
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	50.655.147.598	36.828.566.477
1.	Tiền	111		20.952.669.370	1.351.303.938
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29.702.478.228	35.477.262.539
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.509.938.341	39.700.000.000
1.	Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	75.509.938.341	39.700.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.319.770.212	443.126.256.901
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	77.539.963.877	205.181.739.678
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	75.478.061.482	197.895.340.750
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4	18.320.000.000	28.000.000.000
6.	Các khoản phải thu khác	136	5	30.679.480.964	41.746.912.584
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(29.697.736.111)	(29.697.736.111)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		1.901.589.594.578	996.793.914.332
1.	Hàng tồn kho	141	7	1.914.770.214.326	1.022.135.331.649
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(13.180.619.748)	(25.341.417.317)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		14.417.824.235	3.705.852.659
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	7.316.123.315	3.291.979.017
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.021.511.478	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		80.189.442	413.873.642
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.343.404.278.591	1.413.208.247.126
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		32.909.102.375	32.909.102.375
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	4	32.909.102.375	32.909.102.375
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		679.274.990.633	706.800.229.133
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	640.851.483.034	666.751.517.613
	Nguyên giá	222		2.792.301.676.408	2.726.535.843.019
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.151.450.193.374)	(2.059.784.325.406)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	10	38.423.507.599	40.048.711.520
	Nguyên giá	228		47.425.838.413	47.425.838.413
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.002.330.814)	(7.377.126.893)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		309.721.029.602	321.134.687.213
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	309.721.029.602	321.134.687.213
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	295.980.778.624	325.980.778.624
1.	Đầu tư vào công ty con	251		306.746.610.952	306.746.610.952
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(87.516.978.128)	(87.516.978.128)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		50.000.000.000	80.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		25.518.377.357	26.383.449.781
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	8	25.518.377.357	26.383.449.781
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		3.557.896.553.555	2.933.362.837.495

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.834.607.179.995	1.217.052.752.864
I. Nợ ngắn hạn		310		1.804.106.845.875	1.184.372.697.561
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	13	310.989.125.635	127.897.918.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	14	89.831.078.127	104.073.143.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	15	9.380.236.509	51.533.281.137
4. Phải trả người lao động		314		18.332.594.744	13.904.626.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	16	24.334.254.210	9.578.592.746
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	17	53.315.071.793	11.813.595.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	18	1.255.091.565.839	830.006.068.388
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		42.832.919.018	35.565.470.980
13. Quỹ bình ôn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		30.500.334.120	32.680.055.303
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		1.858.313.943	2.358.313.943
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	19	6.335.000.000	6.335.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	20	22.307.020.177	23.986.741.360

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.723.289.373.560	1.716.310.084.631
I. Vốn chủ sở hữu		410	21	1.712.894.120.887	1.703.958.698.870
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		857.416.230.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		857.416.230.000	801.350.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		598.378.787.910	589.325.869.293
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		65.643.770.176	121.826.986.776
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		7.587.904.041	31.297.800.600
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		58.055.866.135	90.529.186.176
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422			
II. Nguồn kinh phí		430		10.395.252.673	12.351.385.761
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432	22	10.395.252.673	12.351.385.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		3.557.896.553.555	2.933.362.837.495

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến 30/06/2025

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ 01/07 đến 31/03	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	567.169.790.690	671.563.458.314	1.568.596.159.572	1.634.235.448.501
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		567.169.790.690	671.563.458.314	1.568.596.159.572	1.634.235.448.501
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	514.268.325.465	598.888.696.463	1.414.611.499.703	1.440.047.360.960
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.901.465.225	72.674.761.851	153.984.659.869	194.188.087.541
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	4.185.941.138	3.731.775.415	13.274.013.207	10.297.206.628
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	16.497.403.261	15.020.701.744	41.347.435.260	55.133.223.601
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.943.507.563	14.026.704.051	35.616.481.350	32.966.112.813
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	11.480.788.303	12.129.080.992	34.729.866.435	31.936.728.235
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	9.199.152.801	14.115.517.702	23.810.122.638	39.093.720.951
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.910.061.998	35.141.236.828	67.371.248.743	78.321.621.382
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	1.000.590	436.560.497	1.138.888.535	659.002.802
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	209.723.215	171.242.061	663.634.634	529.260.447
13.	Lợi nhuận khác	40		(208.722.625)	265.318.436	475.253.901	129.742.355
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.701.339.373	35.406.555.264	67.846.502.644	78.451.363.737
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.982.984.492	5.347.167.769	9.790.636.509	12.947.531.955
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.718.354.881	30.059.387.495	58.055.866.135	65.503.831.782

Người lập biểu

Hồ Thị Hậu

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2025

Tổng giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
LÊ VĂN PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2024 đến 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.846.502.644	78.451.363.737
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	100.832.045.309	115.085.513.239
- Các khoản dự phòng	03	(12.160.797.569)	30.448.696.015
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.028.071.826)	(9.144.859.588)
- Chi phí lãi vay	06	35.616.481.350	32.966.112.813
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	182.106.159.908	247.806.826.216
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	259.940.406.911	41.978.598.182
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(892.634.882.677)	(790.269.253.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	155.254.856.329	209.983.684.324
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.159.071.874)	(40.455.734.595)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(35.351.265.550)	(34.179.056.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.497.031.314)	(7.596.593.096)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.918.058.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.421.324.850)	(6.586.591.277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(357.762.153.117)	(377.400.062.225)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(61.893.149.198)	(8.563.683.902)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		535.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.609.938.341)	(118.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	68.480.000.000	89.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.526.324.326	10.012.841.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.496.763.213)	(27.515.842.003)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.731.732.034.725	1.611.690.769.766
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.306.646.537.274)	(1.204.535.656.466)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(397.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	425.085.497.451	407.154.715.734
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13.826.581.121	2.238.811.506
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.828.566.477	7.155.404.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	50.655.147.598	9.394.216.386

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Trưởng ban giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 03 năm 2025.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	186.464.717	87.232.458
Tiền gửi ngân hàng	20.766.204.653	1.264.071.480
Các khoản tương đương tiền	29.702.478.228	35.477.262.539
Cộng	50.655.147.598	36.828.566.477

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.509.938.341	39.700.000.000
Cộng	75.509.938.341	39.700.000.000

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	-	156.494.168.250
HEKOU MINGCHENG TECHNOLOGY TRADE CO., LTD	-	7.933.917.420
KUNMING ANG KUN IMPORT AND EXPORT TRADE LIMITED COMPANY	7.583.460.300	7.052.371.040
HEKOU LIYUAN TRADING CO., LTD	7.589.939.760	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	62.366.563.817	33.701.282.968
Cộng	77.539.963.877	205.181.739.678

3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	46.345.737.366	162.052.735.285
Trả trước cho người bán tại VPCT	29.132.324.116	35.842.605.465
Trả trước cho người bán tại các đơn vị	-	-
Cộng	75.478.061.482	197.895.340.750

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	18.320.000.000	28.000.000.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn</i>	705.764.499	-
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	5.320.801.017	5.690.649.328
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	9.990.886.200	9.990.886.200
<i>Tạm ứng</i>	684.060.460	165.330.820
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	1.356.845.044	10.265.653.232
<i>Các khoản phải thu khác</i>	4.117.063.438	7.130.332.698
Cộng	30.679.480.964	41.746.912.584

Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	32.909.102.375	32.909.102.375
Cộng	32.909.102.375	32.909.102.375

VI. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Số đầu năm	(29.697.736.111)
Dự phòng trích lập trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-
Số cuối năm	(29.697.736.111)

VII. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	189.942.849.424	70.035.562.127
Công cụ, dụng cụ	2.709.670.625	857.898.075
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.387.759.430	8.648.340.716
Thành phẩm	1.657.350.999.127	925.532.529.417
Hàng hóa	45.636.312.361	17.061.001.314
Hàng gửi bán	3.742.623.359	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.180.619.748)	(25.341.417.317)
Cộng	1.901.589.594.578	996.793.914.332

VIII. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn	
Số đầu năm	3.291.979.017
Số cuối kỳ	7.316.123.315
Dài hạn	
Số đầu năm	26.383.449.781
Số cuối kỳ	25.518.377.357

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IX. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	521.104.733.512	2.137.473.801.840	47.498.361.621	19.925.556.046	533.390.000	2.726.535.843.019
Tăng trong kỳ	14.410.885.128	58.895.921.681				73.306.806.809
Mua sắm mới	14.410.885.128	41.200.249.725				55.611.134.853
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		17.695.671.956				17.695.671.956
Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
Giảm do thanh lý nhượng bán		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
Giảm khác						
Số cuối năm	535.515.618.640	2.193.664.123.742	47.498.361.621	15.090.182.405	533.390.000	2.792.301.676.408
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	306.156.233.710	1.691.951.000.299	41.443.457.513	19.807.996.172	425.637.712	2.059.784.325.406
Tăng trong kỳ	18.730.569.767	79.350.232.482	1.073.606.784	45.923.825	6.508.530	99.206.841.388
Khấu hao trong kỳ	18.730.569.767	79.350.232.482	1.073.606.784	45.923.825	6.508.530	99.206.841.388
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL						
Tăng khác						
Giảm trong kỳ		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
Giảm do thanh lý, nhượng bán		(2.705.599.779)		(4.835.373.641)		(7.540.973.420)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	324.886.803.477	1.768.595.633.002	42.517.064.297	15.018.546.356	432.146.242	2.151.450.193.374
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	214.948.499.802	445.522.801.541	6.054.904.108	117.559.874	107.752.288	666.751.517.613
Số cuối kỳ	210.628.815.163	425.068.490.740	4.981.297.324	71.636.049	101.243.758	640.851.483.034

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**X. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
Số cuối kỳ	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.617.670.358	4.759.456.535	7.377.126.893
Tăng trong kỳ do khấu hao	197.366.962	1.427.836.959	1.625.203.921
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	2.815.037.320	6.187.293.494	9.002.330.814
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	29.577.907.159	10.470.804.361	40.048.711.520
Số cuối kỳ	29.380.540.197	9.042.967.402	38.423.507.599

XI. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.412.629.500	30.389.481.352
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	275.097.477.816	272.308.494.381
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	-	17.695.671.956
Dự án khác	4.210.922.286	741.039.524
Cộng	309.721.029.602	321.134.687.213

XII. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	306.746.610.952	306.746.610.952
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>8.300.000.000</i>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>100.737.621.024</i>	<i>100.737.621.024</i>
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>13.950.000.000</i>	<i>13.950.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	<i>21.396.593.886</i>	<i>21.396.593.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	<i>9.862.396.042</i>	<i>9.862.396.042</i>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	<i>139.000.000.000</i>	<i>139.000.000.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	<i>21.500.000.000</i>	<i>21.500.000.000</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	5.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	50.000.000.000	80.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(87.516.978.128)	(87.516.978.128)

XIII. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	250.783.359.097	97.298.627.953
Phải trả tại VPCT	57.094.360.137	29.411.043.226
Phải trả tại các đơn vị	3.111.406.401	1.188.247.107
Cộng	310.989.125.635	127.897.918.286

XIV. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	89.831.078.127	104.073.143.868
Cộng	89.831.078.127	104.073.143.868

XV. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	14.673.878.638
		15.658.104.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.380.236.509	17.913.096.659
Các loại thuế khác	-	3.288.201.840
Cộng	9.380.236.509	51.533.281.137

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Điện, nước mía, sữa gạo	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý III năm 2024/2025:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.701.339.373
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	185.223.906
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	<i>47.702.570</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	<i>89.771.250</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	<i>-</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>47.750.087</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	19.886.563.279
Thuế TNDN hiện hành	2.982.984.492
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.718.354.881

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

XVI. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	24.334.254.210	9.578.592.746
Cộng	24.334.254.210	9.578.592.746

XVII. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.829.596.500	-
Kinh phí công đoàn	2.223.074.762	1.714.655.762
Hoàn ứng	786.927.836	1.772.321.405
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	48.475.472.695	8.326.618.775
Cộng	53.315.071.793	11.813.595.942

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**XVIII. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	1.255.091.565.839	830.006.068.388
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	1.255.091.565.839	830.006.068.388

XIX. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	6.335.000.000	6.335.000.000
Cộng	6.335.000.000	6.335.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay đối tượng khác	6.335.000.000			6.335.000.000
Cộng	6.335.000.000			6.335.000.000

XX. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	22.307.020.177	23.986.741.360
Cộng	22.307.020.177	23.986.741.360

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

XXI. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	745.479.930.000	191.455.332.801	587.011.743.761	91.797.029.231	1.615.744.035.793
Lợi nhuận năm trước				-	-
Lợi nhuận năm nay				90.529.186.175	90.529.186.175
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			2.314.125.532	(2.314.125.532)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.314.125.532)	(2.314.125.532)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	55.870.580.000			(55.870.580.000)	-
Các khoản khác				(397.566)	(397.566)
Số dư cuối kỳ	801.350.510.000	191.455.332.801	589.325.869.293	121.826.986.776	1.703.958.698.870
Số dư đầu năm nay	801.350.510.000	191.455.332.801	589.325.869.293	121.826.986.776	1.703.958.698.870
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				58.055.866.135	58.055.866.135
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			9.052.918.617	(9.052.918.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(9.052.918.617)	(9.052.918.617)
Chia cổ tức năm nay	56.065.720.000			(96.133.245.501)	(40.067.525.501)
Các khoản khác					
Số dư cuối kỳ	857.416.230.000	191.455.332.801	598.378.787.910	65.643.770.176	1.712.894.120.887

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	857.416.230.000	801.350.510.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Cộng	1.048.871.562.801	992.805.842.801

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.741.623	80.135.051
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.741.623	80.135.051
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	80.135.051
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.135.051	80.135.051
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	80.135.051	80.135.051

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

XXII. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	12.351.385.761
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(1.956.133.088)
Số cuối kỳ	10.395.252.673

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2024/2025:**VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	567.169.790.690	671.563.458.314
Doanh thu bán hàng hóa	193.873.774.048	105.114.709.944
Doanh thu bán thành phẩm	366.873.413.562	559.384.382.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	6.422.603.080	7.064.365.949
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	567.169.790.690	671.563.458.314
Doanh thu bán hàng hóa	193.873.774.048	105.114.709.944
Doanh thu bán thành phẩm	366.873.413.562	559.384.382.421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.422.603.080	7.064.365.949

VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	193.977.362.996	103.002.591.439
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	312.037.232.910	482.309.322.021
Giá vốn của hàng bán khác	8.253.729.559	13.576.783.003
Dự phòng/hoàn nhập hàng tồn kho	-	-
Cộng	514.268.325.465	598.888.696.463

VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	794.421.244	1.639.454.666
Lãi tiền cho vay	366.723.942	178.454.455
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.727.630.137	467.146.354
Lãi đầu tư trái phiếu	737.260.274	1.446.719.940
Lãi khác	559.905.541	-
Cộng	4.185.941.138	3.731.775.415

VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.943.507.563	14.026.704.051
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD		202.675.792
Chiết khấu thanh toán	525.203.288	791.321.901

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lỗi các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	28.692.410	-
Cộng	16.497.403.261	15.020.701.744

VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.695.957.714	3.345.764.015
Chi phí khấu hao TSCĐ	810.258.639	608.159.017
Chi phí vận chuyển	3.964.089.620	3.634.733.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.634.661.669	3.326.434.042
Chi phí bằng tiền khác	1.375.820.661	1.213.989.961
Cộng	11.480.788.303	12.129.080.992

VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.426.731.522	5.796.722.867
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.416.768.906	2.365.675.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.021.264.434	1.358.562.696
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	2.074.329.628
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.334.387.939	2.520.226.773
Cộng	9.199.152.801	14.115.517.702

VI.7 - THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	-	340.000.000
Thu nhập khác	1.000.590	96.560.497
Cộng	1.000.590	436.560.497

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI.8 - CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	47.702.569	55.958.610
Chi phí khác	162.020.646	115.283.451
Cộng	209.723.215	171.242.061

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý III- năm 2024-2025	16.718.354.881
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.402.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	207,9

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	80.135.051
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80.402.030

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/03/2025	01/07/2024
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	62,24	51,82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	37,76	48,18
Cơ cấu nguồn vốn			

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	51,56	41,49
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	48,44	58,51
Khả năng thanh toán		31/03/2025	01/07/2024
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,94	2,41
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,23	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,03
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 31/03:		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	4,33	4,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,70	4,01
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	4,33	4,80
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,70	4,01
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,91	2,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,63	2,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,38	3,82

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/03/2025, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 567.169.790.690 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 556.545.999.488 đồng chiếm tỷ trọng 98% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 2% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	1.641.311.160	3.328.314.041
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	833.703.600	785.182.320

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	87.422.438.750	63.527.970.000
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	47.716.430.500	42.193.168.214
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	4.693.188.000	3.560.810.250
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	1.008.928.310	204.770.160
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	80.270.837.337	82.299.899.546
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	7.652.454.749	7.634.510.799
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	357.443.836	149.765.856
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	76.543.880	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2024 và ngày 31/03/2025, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	-	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn			
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	109.113.727.500	91.409.482.500
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	-	-
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	1.523.863.778	-
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	2.597.840.485	1.557.504.715
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	5.320.801.017	5.690.649.328
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	705.764.499	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	18.320.000.000	28.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
			VND	VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	373.169.423	358.428.808
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	176.675.577	304.092.808
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	142.612.500	202.004.423
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	-	30.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	76.107.308	45.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	170.083.692	204.366.000
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	131.059.923	184.090.846
8	Ông Lê Bá Chiểu	Phó Tổng Giám đốc	131.743.500	172.954.077
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	135.233.077	158.936.154
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	120.717.115	157.493.231
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	78.065.885	141.439.662
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	60.071.269	105.000.508
13	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên Ban Kiểm soát	40.936.212	
14	Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	-	79.963.038
Tổng			1.636.475.481	2.143.769.554

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế Quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 đạt 16.718.354.881 đồng, giảm 44,38% so với cùng kỳ năm 2023/2024, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	567.169.790.690	671.563.458.314	(15,54)
2	Giá vốn hàng bán	514.268.325.465	598.888.696.463	(14,13)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.901.465.225	72.674.761.851	(27,21)
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	9,33%	10,82%	(13,80)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	4.185.941.138	3.731.775.415	12,17

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
6	Chi phí tài chính	16.497.403.261	15.020.701.744	9,83
7	Chi phí bán hàng	11.480.788.303	12.129.080.992	(5,34)
8	Chi phí quản lý	9.199.152.801	14.115.517.702	(34,83)
9	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	16.718.354.881	30.059.387.495	(44,38)

Nguyên nhân :

Doanh thu năm nay giảm 15,54%, Giá vốn giảm 14,13% so với cùng kỳ năm trước, tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm nay đạt 9,33%, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 27,21% so với cùng kỳ năm trước,

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 12,17%, Chi phí tài chính tăng 9,83% so với cùng kỳ năm trước,

Chi phí bán hàng năm nay giảm 5,34%, chi phí quản lý giảm 34,83% so với cùng kỳ năm trước,

Do đó, Lợi nhuận kế toán sau thuế quý III niên độ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2025 đạt 16.718.354.881 đồng, giảm 44,38% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 28 tháng 04 năm 2025

Người lập biểu**Hồ Thị Hậu****Kế toán trưởng****Đỗ Thị Thanh Hà****Tổng giám đốc****Lê Văn Phương**